

CHƯƠNG TRÌNH ĐỊA PHƯƠNG (phần Tiếng Việt)

I – MỤC TIÊU CẦN ĐẠT

Giúp HS hiểu được sự phong phú của các phương ngữ trên các vùng, miền đất nước.

II – NHỮNG ĐIỀU CẦN LƯU Ý

1. Bài này tập trung vào những thực từ (danh từ, động từ, tính từ,...) trong các phương ngữ. Tuy nhiên để tránh động đến một khái niệm phức tạp, gây nhiều tranh luận trong giới chuyên môn, GV không dùng thuật ngữ *thực từ*, mà chỉ giới thiệu với HS là tìm hiểu các từ ngữ địa phương chỉ sự vật, hiện tượng hoạt động, trạng thái, đặc điểm, tính chất, không gian, thời gian.

2. Trong số 3 trường hợp nêu ở mục 1.a, 1.b và 1.c trong SGK, thì mục 1.b có thể tìm được nhiều từ ngữ hơn cả. Mục 1.a và mục 1.c ngữ liệu ít hơn rất nhiều. Điều đó cho thấy sự khác biệt giữa các từ ngữ địa phương trong tiếng Việt chủ yếu thể hiện qua việc dùng những vỏ ngữ âm khác nhau để biểu thị cùng một khái niệm.

III – TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC CÁC HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

Hoạt động 1

GV hướng dẫn HS làm bài tập 1 (SGK) – tìm trong phương ngữ mà các em đang sử dụng hoặc trong các phương ngữ khác mà em biết những từ ngữ địa phương :

a) Chỉ các sự vật, hiện tượng,... không có tên gọi trong các phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân.

Mẫu :

Nhút (món ăn làm bằng xơ mít muối trộn với một vài thứ khác, được dùng phổ biến ở một số vùng Nghệ – Tĩnh), *bón bón* (một loại cây thân mềm, sống ở nước, có thể làm dưa hoặc xào nấu, phổ biến ở một số vùng Tây Nam Bộ),...

b) Giống về nghĩa nhưng khác về âm với những từ ngữ trong các phương ngữ khác và (hoặc) trong ngôn ngữ toàn dân.

Mẫu :

Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam
<i>cá quả</i>	<i>cá tràu</i>	<i>cá lóc</i>
<i>lợn</i>	<i>heo</i>	<i>heo</i>
<i>ngã</i>	<i>bố</i>	<i>té</i>

Ngữ liệu bổ sung : *mệ* (*bà* – phương ngữ Trung), *mạ* (*mẹ* – phương ngữ Trung), *bọ* (*bố* – phương ngữ Trung), *tía* (*bố* – phương ngữ Nam), *mô* (*đầu* – phương ngữ Trung), *giả đò* (*giả vờ* – phương ngữ Trung và Nam), *ghiền* (*nghiện* – phương ngữ Nam),...

c) Giống về âm nhưng khác về nghĩa với những từ ngữ trong các phương ngữ khác và (hoặc) trong ngôn ngữ toàn dân.

Mẫu :

Phương ngữ Bắc	Phương ngữ Trung	Phương ngữ Nam
<i>óm</i> : bị bệnh	<i>óm</i> : gây	<i>óm</i> : gây

Ngữ liệu bổ sung : *hòm* trong phương ngữ Bắc chỉ một thứ đồ đựng, hình hộp, thường bằng gỗ hay kim loại mỏng, có nắp đậy kín, còn trong phương ngữ Trung và Nam chỉ áo quan (dùng để khâm liệm người chết) ; *nón* trong phương ngữ Trung và ngôn ngữ toàn dân chỉ thứ đồ dùng để đội đầu, che mưa nắng, thường bằng lá và có hình một vòng tròn nhỏ dãn lên đỉnh, còn trong phương ngữ Nam nghĩa như *nón* và *mũ* trong ngôn ngữ toàn dân ;...

Hoạt động 2

GV hướng dẫn HS làm bài tập 2 (SGK) – Yêu cầu HS cho biết vì sao những từ ngữ địa phương như trong bài tập 1.a không có từ ngữ tương đương trong phương ngữ khác và trong ngôn ngữ toàn dân, sự xuất hiện những từ ngữ đó thể hiện tính đa dạng về điều kiện tự nhiên và đời sống xã hội trên các vùng, miền của đất nước ta như thế nào.

HS có thể trả lời : Có những từ ngữ địa phương như trong mục 1.a vì có những sự vật, hiện tượng xuất hiện ở địa phương này, nhưng không xuất hiện trong địa phương khác. Điều đó cho thấy Việt Nam là một đất nước có sự khác biệt giữa các vùng, miền về điều kiện tự nhiên, đặc điểm tâm lí, phong tục tập quán,... Tuy nhiên sự khác biệt đó không quá lớn, bằng chứng là những từ ngữ thuộc nhóm này không nhiều.

Một số từ ngữ địa phương trong phần này có thể chuyển thành từ ngữ toàn dân vì những sự vật, hiện tượng mà những từ ngữ này gọi tên vốn chỉ xuất hiện ở một địa phương, nhưng sau đó dần dần phổ biến trên cả nước, chẳng hạn như : *sầu riêng, chôm chôm*,...

Hoạt động 3

GV hướng dẫn HS làm bài tập 3 (SGK) – yêu cầu HS quan sát hai bảng mẫu (b) và (c) ở bài tập 1 và cho biết những từ ngữ nào (đối với trường hợp ở (b) và cách hiểu nào (đối với trường hợp ở (c)) được coi là thuộc về ngôn ngữ toàn dân. Từ đó rút ra nhận xét về phương ngữ được lấy làm chuẩn của tiếng Việt.

Hoạt động 4. GV hướng dẫn HS làm bài tập 4 (SGK).

Trong đoạn trích bài thơ *Mẹ Suốt* của Tố Hữu có những từ ngữ địa phương sau : *chi, rúa, nờ, tui, có răng, ưng, mu*. Những từ ngữ này thuộc phương ngữ Trung, được dùng phổ biến ở các tỉnh Bắc Trung Bộ như Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên – Huế.

Mẹ Suốt là bài thơ Tố Hữu viết về một bà mẹ Quảng Bình anh hùng. Những từ ngữ địa phương trên đây góp phần thể hiện chân thực hơn hình ảnh của một vùng quê và tình cảm, suy nghĩ, tính cách của một người mẹ trên vùng quê ấy ; làm tăng sự sống động, gợi cảm của tác phẩm.

IV – TÀI LIỆU THAM KHẢO

– Nguyễn Như Ý (Chủ biên) – Đặng Ngọc Lệ – Phan Xuân Thành, *Từ điển đối chiếu từ địa phương*, NXB Giáo dục, Hà Nội, 1999.

– Hoàng Thị Châu, *Tiếng Việt trên các miền đất nước (phương ngữ học)*, NXB Khoa học xã hội, Hà Nội, 1989.